

Bản án số: 62/2026/HS-ST
Ngày 03-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Khuyên

Ông Hà Văn Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tòng Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La tham gia phiên tòa:
Ông Lầu Bá Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2026/TLST-HS ngày 22/01/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2026/QĐXXST-HS ngày 23/01/2026 đối với:

- Bị cáo: [Quàng Văn T](#); tên gọi khác: không, sinh năm 1985 tại [xã B, tỉnh Sơn La](#); nơi cư trú: [Bản P, xã B, tỉnh Sơn La](#); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Đảng phái, đoàn thể: Đảng viên - [Đ](#), đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 05-QĐ/UBKTĐU ngày 16/12/2025 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy [xã B, tỉnh Sơn La](#); con ông [Quàng Văn B](#) (Đã chết) và con bà [Quàng Thị K](#), sinh năm 1969; vợ là [Quàng Thị C](#), sinh năm 1986 và có 03 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2025 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà [Lường Thị T1](#), luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của [Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S](#), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15h^{hhhhhhh} giờ 30 phút, ngày 19/11/2025 tại khu vực [bản H, xã B, tỉnh Sơn La](#) tổ công tác [Công an xã B](#), tỉnh Sơn La phát hiện và bắt quả tang [Quàng Văn T](#) có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ trong túi áo khoác bên phải [Quàng Văn T](#) đang mặc 01 (một) gói Nilon màu trắng bên trong chứa 02 gói Nilon màu

trắng có chứa cục bột màu trắng; 01 gói Nilon màu hồng bên trong có chứa cục bột màu trắng và cục bột màu hồng; 01 (một) gói Nilon màu trắng bên trong có chứa cục bột màu hồng và 01 viên nén màu hồng; 01 (một) gói Nilon màu xanh bên trong chứa cục bột màu trắng và cục bột màu hồng.

Ngày 19/11/2025 Cơ quan cảnh sát điều tra - [Công an tỉnh S](#) đã thành lập Hội đồng bóc mở niêm phong, xác định khối lượng, trích mẫu giám định, niêm phong mẫu giám định và vật chứng. Kết quả cân tịnh: Cân tách bì chất bột màu trắng trộn lẫn chất bột màu hồng trong gói Nilon màu hồng được tổng khối lượng là 0,21 gam. Trích toàn bộ 0,21 gam làm mẫu gửi giám định, ký hiệu là T1. Cân tách bì chất bột màu trắng trộn lẫn chất bột màu hồng trong gói Nilon màu xanh được tổng khối lượng là 0,25 gam. Trích toàn bộ 0,25 gam làm mẫu gửi giám định, ký hiệu là T2. Cân tách bì chất bột màu trắng trong gói Nilon màu trắng thứ nhất được tổng khối lượng là 0,27 gam. Trích toàn bộ 0,27 gam làm mẫu gửi giám định, ký hiệu là T3. Cân tách bì chất bột màu trắng trong gói Nilon màu trắng thứ hai được tổng khối lượng là 0,083 gam. Trích toàn bộ 0,083 gam làm mẫu gửi giám định, ký hiệu là T4. Cân tách bì chất bột màu hồng và 01 viên nén màu hồng trong gói Nilon màu trắng thứ ba được tổng khối lượng là 0,14 gam. Trích toàn bộ 0,14 gam làm mẫu gửi giám định, ký hiệu là T5.

Kết luận giám định số 1408/KL-KTHS ngày 24/11/2025 của [Phòng K1, Công an tỉnh S](#) kết luận: Mẫu ký hiệu T1, T2 gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine và [H \(H1\)](#) có tên khoa học là [D](#), được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất; khối lượng của mẫu gửi giám định T1 = 0,21 gam; T2 = 0,25 gam. Mẫu ký hiệu T3, T4 gửi giám định đều là ma túy, loại Heroine ([H](#)) có tên khoa học là [D](#), được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất; khối lượng của mẫu gửi giám định T3 = 0,27 gam; T4 = 0,083 gam. Mẫu ký hiệu T5 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,14 gam.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ: 0,46 gam, loại Methamphetamine và [H \(H1\)](#) có tên khoa học là [D](#), được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất; 0,353 gam, loại Heroine ([H](#)) có tên khoa học là [D](#), được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất và 0,14 gam, loại Methamphetamine.

[H2](#) lại đối tượng giám định: Mẫu giám định đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

Quá trình điều tra [Quàng Văn T](#) khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 13 giờ, ngày 19/11/2025 [T](#) mang theo số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền lao động tiết kiệm mà có đi bộ từ nhà đến bản Huổi Lán [xã B, tỉnh Sơn La](#) để tìm mua ma túy sử dụng. Khi đi đến nơi bị cáo gặp và hỏi mua được của một người

đàn ông dân tộc Mông không quen được 01 gói Nilon màu trắng bên trong có chứa 05 gói Heroine và hồng phiến với số tiền 150.000đ. Trên đường về nhà [T](#) trích lấy một phần nhỏ Heroine trong gói Nilon màu trắng và sử dụng công cụ phương tiện bị cáo mang theo để sử dụng bằng hình thức đốt hít qua đường hô hấp vào cơ thể. Sử dụng ma túy xong Thảm vứt bật lửa, giấy bạc đi; bị cáo gói số ma túy còn lại như ban đầu cất trong túi áo rồi đi về nhà. Đến khu vực giáp ranh giữa đường dân sinh và [đường Q](#) thuộc bản Huổi Lán, [xã B, tỉnh Sơn La](#) thì gặp tổ công tác [Công an xã B](#) làm nhiệm vụ kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Tại bản cáo trạng số: 64/CT-VKS ngày 22/01/2026, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La đã truy tố bị cáo [Quàng Văn T](#) về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo [Quàng Văn T](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh; điều luật áp dụng và hình phạt: Tuyên bố bị cáo [Quàng Văn T](#) phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo [Quàng Văn T](#) từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy “04 mảnh Nilon màu trắng; 01 mảnh Nilon màu xanh và 01 mảnh Nilon màu hồng” được đựng trong một phong bì thư do [Bưu điện V](#) phát hành đã niêm phong dán kín theo quy định của pháp luật, có mã số: 0002939.

Về án phí: Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với phần luận tội của kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của viện kiểm sát để bị cáo để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ân hận và nhận ra lỗi lầm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng:* Cơ quan điều tra [Công an tỉnh S](#), điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, không thay đổi, bổ sung nội dung gì, hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La. Bị cáo khẳng định khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 19/11/2025; Kết luận giám định số 1408/KL-KTHS ngày 24/11/2025 của [Phòng K1, Công an tỉnh S](#); Các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can; Biên bản ghi lời khai của người chứng kiến và phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Hồi 15h^{hhhhhhh} giờ 30 phút, ngày 19/11/2025 tại khu vực [bản H, xã B, tỉnh Sơn La](#) bị cáo [Quàng Văn T](#) có hành vi cất giấu trái phép 0,46 gam, loại Methamphetamine và Heroine; 0,353 gam, loại Heroine ([H](#)) và 0,14 gam, loại Methamphetamine (Tổng khối lượng cả 02 chất ma túy là 0,953 gam) với mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi của [Quàng Văn T](#) đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật

[3] Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm về hình sự, biết rõ chất ma túy là chất Nhà nước cấm mua bán, sử dụng, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, tiếp tay cho các đối tượng hám lời có cơ hội lưu thông buôn bán ma túy.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, tại phiên tòa tỏ ra ăn năn hối cải về việc đã làm; nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phần nào đối với bị cáo.

Từ sự phân tích trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn từ 03 năm đến 05 năm tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành nên không áp dụng.

[6] *Vật chứng vụ án: Đối với 04 mảnh Nilon màu màu trắng; 01 mảnh Nilon màu xanh và 01 mảnh Nilon màu hồng*” được đựng trong một phong bì thư do [Bưu điện V](#) phát hành đã niêm phong dán kín theo quy định của pháp luật, có mã số: 0002939 là vật không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] *Các vấn đề khác*

Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo khai mua của người đàn ông dân tộc Mông không rõ danh tính tại khu vực đường thuộc [bản H, xã B, tỉnh Sơn La](#) với số tiền 150.000đ. Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ để mở rộng điều tra là đúng quy định, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng ma túy đã thu giữ trong vụ án.

Về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy: Tại phiếu cung cấp thông tin ngày 19/11/2025, [UBND xã B](#), tỉnh Sơn La đã xác định [Quàng Văn T](#) không thuộc các trường hợp chủ thể quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự. Do đó cơ quan điều tra không khởi tố bị cáo về tội Sử dụng trái phép chất ma túy là đúng quy định.

[8] *Về án phí*: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo [Quàng Văn T](#) phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo [Quàng Văn T](#) 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2025.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 04 mảnh Nilon màu màu trắng; 01 mảnh Nilon màu xanh và 01 mảnh Nilon màu hồng” được đựng trong một phong bì thư do [Bưu điện V](#) phát hành đã niêm phong dán kín theo quy định của pháp luật, có mã số: 0002939

(Mô tả chi tiết theo Quyết định chuyển vật chứng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La; biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra [công an tỉnh S](#) và Phòng thi hành án dân sự khu vực 03 - Sơn La).

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03 tháng 02 năm 2026).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND cùng cấp (02 bản);
- Cơ quan thi hành án Hình sự Công an tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Người tham gia tố tụng;
- Trại tạm giam công an tỉnh Sơn La;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mai